

Số: 81 /2026/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;
tiêu chuẩn, nhiệm vụ và việc quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi
dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách và người
tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15,
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ
sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật
Thực hiện dân chủ ở cơ sở;*

*Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của
thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên
trách ở thôn, tổ dân phố;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 48/TTr-SNV ngày
22/8/2026 và các Văn bản: số 5505/SNV-XDCQ&TCBC ngày 10/9/2026, số
6274/SNV-XDCQ&TCBC ngày 08/10/2026; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại
Báo cáo số 396/BC-STP ngày 01/8/2026; ý kiến thống nhất của các Thành viên
Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh
(qua Phiếu biểu quyết);*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ
dân phố; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và việc quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối
với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ
dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động
của thôn, tổ dân phố; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và việc quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi
dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động
ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành; thay thế
Quyết định số 17/2013/QĐ-UBND ngày 22/4/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về
việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh
Hà Tĩnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Trung tâm TT và XHTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC₂, Quy₂²⁵

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Hiếu

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và việc quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh theo điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và việc quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo khoản 5 Điều 16 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

b) Đối với những nội dung chưa được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và các văn bản khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

- Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh;
- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;
- Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

1. Thôn, xóm, bản,... (gọi chung là thôn); tổ dân phố, khu phố, khối phố,... (gọi chung là tổ dân phố).

2. Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực thuộc phạm vi một đơn vị hành chính cấp xã; là nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tổ chức để Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 3. Tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố

1. Thôn phải có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố phải có từ 450 hộ gia đình trở lên.

2. Đối với thôn, tổ dân phố thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn, thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông thì quy mô số hộ gia đình có thể thấp hơn quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố

Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Chương II TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 5. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Thôn có Trưởng thôn; tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố là người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

2. Chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố để hỗ trợ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc thực hiện các hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư thực hiện theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND quy định mức phụ cấp, việc kiêm nhiệm và mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; số lượng, chức danh, mức hỗ trợ và mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 6. Hoạt động của thôn, tổ dân phố

Hoạt động của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Điều 7. Hình thức hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Hội nghị của thôn, tổ dân phố được tổ chức định kỳ mỗi năm một lần vào thời gian cuối năm theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

3. Tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

4. Biểu quyết trực tuyến phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

5. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Việc bầu cử, cho thôi làm nhiệm vụ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Việc bầu cử, cho thôi làm nhiệm vụ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15; Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

2. Trong trường hợp thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố, hoặc trường hợp khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.

Điều 9. Nhiệm kỳ, mối quan hệ công tác của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

2. Mối quan hệ công tác của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chịu sự lãnh đạo của cấp ủy ở thôn, tổ dân phố, đồng thời chịu sự quản lý, chỉ đạo hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định.

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp chặt chẽ với Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các tổ chức tự quản trên địa bàn nhằm tổ chức cho Nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

c) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với các cơ quan, đơn vị của Trung ương, địa phương đóng trên địa bàn; các thôn, tổ dân phố trong cùng xã, phường và các xã, phường liền kề để thực hiện tốt công tác tự quản ở thôn, tổ dân phố mình.

Chương III

TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ, QUẢN LÝ, ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH, NGƯỜI THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 10. Tiêu chuẩn người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Là công dân Việt Nam, cư trú thường xuyên trên địa bàn xã, phường; từ đủ 21 tuổi trở lên, ưu tiên người trong độ tuổi lao động theo quy định; có đủ sức khỏe để hoàn thành chức trách và nhiệm vụ được giao.

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu; có uy tín trong cộng đồng dân cư; được Nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu về đạo đức, lối sống, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

c) Có kiến thức văn hóa, năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức Nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ do cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã giao; khuyến khích lựa chọn người có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu hoạt động của thôn, tổ dân phố.

d) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; có khả năng lập kế hoạch, tổng hợp, thống kê, báo cáo và phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

đ) Không trong thời gian bị xử lý kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành bản án, quyết định của Tòa án.

e) Khuyến khích lựa chọn người có trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở lên.

2. Tiêu chuẩn của Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận thực hiện theo quy định của Đảng, điều lệ của tổ chức và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín, tinh thần trách nhiệm, có đủ sức khỏe và khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao. Ngoài các tiêu chuẩn này, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố phải đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật có liên quan, điều lệ tổ chức và quy định của cơ quan có thẩm quyền quản lý.

Điều 11. Nhiệm vụ người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

2. Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật có liên quan, điều lệ tổ chức và quy định của cơ quan có thẩm quyền quản lý, hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

Điều 12. Quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố chịu sự quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, phân công nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

2. Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố chịu sự quản lý, hướng dẫn, phân công nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, điều lệ và quy định của từng tổ chức; đồng thời thực hiện nhiệm vụ phối hợp, hỗ trợ hoạt động của thôn, tổ dân phố phù hợp với chức danh, nhiệm vụ được giao.

Điều 13. Đào tạo, bồi dưỡng người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cho người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP. Khi được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng thì được hưởng chế độ theo quy định tại Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

2. Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao; ưu tiên bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền, vận động Nhân dân, hòa giải ở cơ sở, tổ chức hoạt động cộng đồng dân cư; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, sử dụng nền tảng số, cập nhật dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu và hỗ trợ Nhân dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

3. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn của từng chức danh, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và điều kiện thực tế của địa phương, rà soát, xây dựng kế hoạch hoặc triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; hướng dẫn việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung về việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính chủ trì, tham mưu cấp có thẩm quyền phương án nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành.

3. Các sở, ban, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố theo Quy chế này.

Điều 16. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Trực tiếp quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn theo quy định của pháp luật; bảo đảm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và tính tự quản của cộng đồng dân cư.

2. Xây dựng đề án, phương án và các hồ sơ liên quan đến việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố và ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có; tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

3. Quyết định công nhận kết quả bầu, kết quả cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời trong các trường hợp theo quy định; quyết định công nhận và cho thôi làm người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

4. Phối hợp với cấp ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, các tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc quản lý, hướng dẫn, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

5. Chủ trì, phối hợp với cấp ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, các tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan, tổ chức có liên quan lập, cập nhật, quản lý hồ sơ về người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

6. Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) kết quả tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.